

ĐÔI ĐIỀU VỀ NGHI LỄ THỜ MẪU CỦA NGƯỜI VIỆT Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

VŨ HỒNG THUẬT

LTS. Đây là một số ý kiến của tác giả về nghi lễ thờ Mẫu của người Việt xin giới thiệu để bạn đọc tham khảo.

Một trong không nhiều đòi hỏi của người dân có tín ngưỡng tâm linh hiện nay là: phân định ranh giới giữa tôn giáo, tín ngưỡng và mê tín dị đoan. Trước đây do nhận thức sai lệch về tự do tín ngưỡng nên hàng loạt các ngôi cổ tự, đình làng, đền, miếu và tượng pháp cùng đồ tự khí bị huỷ hoại. Với sự hiểu biết không đầy đủ về văn hóa, khiến họ thường chỉ chấp nhận những tôn giáo du nhập từ bên ngoài vào như đạo Phật, đạo Nho, đạo Lão và Thiên chúa giáo là được tự do tín ngưỡng. Còn những gì sinh ra từ tư duy “dân dã” xuất phát ở bản địa từ buổi sơ khai đều cho là “nhảm nhí” phải cấm!

Hiện nay, cùng với chủ trương đổi mới, chính sách về tín ngưỡng - tôn giáo của Nhà nước, cũng có nhiều nhận thức mới. Với mong muốn góp phần làm sáng tỏ giữa tự do tín ngưỡng với mê tín dị đoan về nghi lễ thờ của đạo Mẫu mà tôi “đốn ngộ tư nghị - Bồng nhiên suy nghĩ” viết lên để bạn đọc cùng tham khảo. Muốn hiểu được nghi lễ thờ Mẫu, trước tiên ta phải biết điện Mẫu là thờ ai? Vai trò của nó đối với tín ngưỡng như thế nào? Qua đó mới hiểu được giá trị văn hóa của nghi lễ thờ Mẫu.

1. Điện thờ mẫu

Cũng như nhiều cư dân trên thế giới, người Việt sớm kết tụ cuộc vận xoay của tạo hóa và lẽ đối đãi của âm dương, hầu như cái gì cũng có hai mặt: có trời thì có đất, có sáng - có tối, có nam - có nữ, có sống - có chết, có nóng - có lạnh, có âm - có dương... hai mặt này nương tựa vào nhau để tồn tại, dung hội với nhau để chuyển biến mà phát triển. Đối tượng của người nông dân Việt là ruộng đất, là nước thuộc phạm trù âm. Do ý thức luôn cầu ở đất ban cho nguồn của cải dồi dào mà dần dần tin vào các vị thần nông nghiệp. Trước hết là thần đất, vị thần này mang yếu tố âm, nên khi nhân cách hóa thành hình tượng, mang dạng hình nữ nhân. Tới nay, chưa có tài liệu nào cho hay về việc thờ Mẫu ở thời nguyên thủy, mà sự tích Ma Nương được coi là sớm nhất. Lược bỏ cái vỏ đời thường, Ma Nương được mang tư cách là Mẫu khởi nguyên (1). Từ “bà” mà các Mẫu thuộc Tứ pháp (2) hạ thế mang ân huệ cho đời.

Mẫu không có chỉ có một, bàn thờ Mẫu có cả một hệ thống đầy đủ bao gồm: Hệ sáng tạo của Tứ phủ công đồng có; Mẫu đệ Nhị Thượng Ngàn (rừng núi),

Mẫu đệ Tam (thoải), Mẫu đệ Tứ (địa). Trong tư duy người Việt xưa, mong tất cả vũ trụ đều nằm trong quyền năng cai quản của Mẫu. Vì thế Mẫu bản Thiên nhập vào thân điện là lực lượng sáng tạo ra trời và đặt ra cách vận hành của bầu trời.

Mẫu Thượng Ngàn sáng tạo ra rừng núi, nguồn của cái vô biên để ban phát cho con người. Mẫu Thoải sáng tạo ra nguồn nước, một yếu tố quan trọng hàng đầu của nghề nông. Mẫu Địa người sáng tạo ra đất, yếu tố cơ bản của mọi nguồn của cái. Nhìn chung, tín ngưỡng dân Việt gắn với chức năng tạo thiên lập địa, để mang tư cách như một anh hùng văn hóa của dân tộc.

Hệ thống Tứ phủ Châu bà: được coi là lực lượng nữ, thực hiện ý đồ sáng tạo của Mẫu thành hiện thực. Nhiều vị Thánh trong hệ thống này, đã hóa thân xuống đời thường để làm tướng lĩnh giúp nước, yên dân, đại diện cho Tứ phủ Châu bà gồm 11 vị. Châu đệ nhất, Châu đệ nhị, Châu đệ Tam, Châu đệ Tứ, Châu Năm (thờ ở suối Lân - Lạng Sơn), Châu Lục người Nùng (thờ ở Hữu Lũng - Lạng Sơn), Châu Thất tiên La (thờ ở Hưng Hà - Thái Bình), bà Bát Nàn (thờ ở Đồng Mỏ - Lạng Sơn), Châu Cửu tinh hay còn gọi Bán Thiên công chúa (thờ ở Bím Sơn - Thanh Hóa), Châu Mười (thờ ở Đồng Mỏ - Lạng Sơn).

Hệ thống ngũ vị Tôn Ông: tức năm vị quan thực hiện ý đồ của Mẫu ở Tứ phủ trong đó có quan Đệ ngũ Quan Tuần (thờ ở Cửa Ông - Quảng Ninh), một vị tướng của nhà Trần, mang chức năng kim chi đôi nước.

Tứ phủ quan Hoàng: Là các vị có thứ bậc dưới "châu bà" và "ngũ vị Tôn Ông", có công chống giặc và khai phá đất đai gồm: ông Hoàng đệ Nhất (tướng thời Lê Lợi). Ông Đôi ở Cẩm Phả là người Mán có công chống giặc, yên dân. Ông Đôi ở Thanh Hóa là quan lớn Triệu Tường, có công khai phá đất đai. Ông Hoàng Bơ (thờ ở đền Lành - Nam Hà) phò vua chống giặc mang tư cách thủy thần. Ông Tư, ông Năm ít được nhắc tới. Ông Lục (tướng công Trần Lựu) chống giặc Minh. Ông Hoàng Bảy thờ ở Bảo Hà - Lào Cai. Ông Tám người Nùng ít được nhắc đến. Ông Hoàng Chín ít được quan tâm. Ông Hoàng Mười (thờ ở Vinh) tướng của thời Lê Thái Tổ (tức là Nguyễn Xí). Ngoài ra, còn có Tứ phủ Thánh Cô - Thánh Cậu, thường có 11 Cô và Cậu, từ cô Cả, cô Đôi, cô Bé, cô Chín... là những người phụ tá cho Mẫu.

Nhìn chung, thân điện của Mẫu là vậy. Song do quá trình phát triển và các yếu tố quan niệm này khác mà bổ sung thêm. Nhất là, từ sau nửa thế kỷ XVIII trở đi, tượng Ngọc Hoàng và Nam Tào - Bắc Đẩu được nhập vào thân điện người Việt và được dân dã hóa gọi là đấng vua cha Ngọc Hoàng cho gần gũi với thông điện, cái tên gọi "vua cha - mẫu mẹ" từ đó ra đời. Ở tòa điện Mẫu còn thờ cả Đấng

thánh Trần (Trần Hưng Đạo Vương) cùng với các tướng hậu cận và hai người con gái của Ngài là Quế Hoa và Quỳnh Hoa. Ngoài ra, điện Mẫu còn thờ hệ thống “Tứ bất tử” (3), đôi khi thờ cả Quốc Mẫu Vua Bà (Bà Triệu).

Qua vài nét ở trên, ta thấy tín ngưỡng thờ Mẫu là một nét văn hóa dân dã của dân tộc. Đây là tín ngưỡng bản địa do dân tộc sáng tạo ra tính tôn giáo của nó là thờ trời, thờ đất, thờ nước và thờ Liễu Hạnh công chúa (Mẫu Liễu sẽ trình bày vào một dịp khác). Để hiểu vai trò của tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ trong các ngôi chùa, điện, phủ, ta xem nghi lễ của đạo Mẫu như thế nào?

2. Nghi lễ của đạo Mẫu

Một trong nét đặc trưng của nghi lễ thờ Mẫu là hầu bóng, hầu giá, lên đồng. Hầu bóng ở đây là hình dáng ông Hoàng bà Chúa, cùng các Cô, các Cậu. Hầu giá là xe loan, xe mây, xe giá... các phương tiện đi lại của các thần tiên. Lên đồng là những người làm nhiệm vụ hầu bóng, hầu giá có khả năng thông cảm với các thần linh, đó là các con nhang đệ tử mà dân dã gọi nam giới là ông “đồng”, đàn bà gọi là bà “cốt”. Việc nhập vào hàng con công đệ tử này, điều trước tiên theo quan niệm là những người có “căn cơ”, phải tôn bát nhang, đảo bản mệnh, trước hội đồng thánh Mẫu (hay gọi là chốn tổ) của Tứ phủ (Thiên phủ - Nhạc phủ - Thoải phủ - Địa phủ) để cung nghinh các vị thánh Tứ phủ giáng xuống trần gian chứng tâm lòng thành, cầu xin các Ngài phù hộ độ trì.

Trong một năm, các con nhang đệ tử thường hầu các vị tiên thánh vào ngày sóc và vọng hàng tháng âm lịch. Còn ai không có điều kiện thì tối thiểu một năm phải có bốn giá hầu vào các ngày đại lễ: như lễ Thượng nguyên (rằm tháng giêng) lễ nhập hạ (vào hè 15/4), lễ tán hạ (hết hè 15/7), lễ tất niên (hết năm 15 tháng chạp). Ngoài ra, còn lễ vào các ngày của các Thánh vào ngày Hạp ấn (25 tháng chạp).

Tục lên đồng không riêng ở nước ta, trong sách Kinh thi, Kinh dịch đều nói đến việc lên đồng là truyền thống nghi lễ của nhà Chu. Còn ở nước ta, các đời vua trước không cấm, đến đời vua Lê Trung Hưng trở về sau mới có lệnh cấm. Vậy tục lên đồng ở nước ta có từ bao giờ và tại sao nó chỉ có tín ngưỡng thờ Mẫu mà lại không thấy thực hiện ở đạo Phật, đạo Nho, đạo Lão và ở đình làng? Theo tôi có lẽ đạo Mẫu chủ yếu dành riêng cho phụ nữ là chính, việc múa hát lên đồng chỉ thích nghi với các bậc thanh đồng, còn các vãi thích nghi với việc lên chùa lễ Phật, còn các cụ nam giới thường hay đến đình làng để hội hè, đình đám “đàn ông vui đám vui đình, đàn bà vui kệ vui kinh nhà chùa”. Việc lên đồng lại có các bà trung tuổi tham gia, còn đàn ông ở lứa tuổi này rất ít lên đồng. Theo quan

niệm tín ngưỡng chung, thần linh luôn luôn không có mặt tại nơi thờ cúng, vì một vị thần có nhiều nơi thờ tự, nhiều nơi đi và đến khác nhau, như Mẫu Liễu Hạnh, Trần Hưng Đạo đại vương là những ví dụ: nhưng mời thần linh có về hay không? theo quan niệm thông thường mời là đến. Vì “nén hương thấu tận cửu trùng” hay “tâm động quỷ thần tri”. Nhưng cũng có trường hợp ngoại lệ thần không về vì lý do này hay lý do khác. Muốn biết thần có về hay không, người ta dùng hai đồng tiền gieo xuống đĩa, gọi là xin “âm dương”. Nếu một đồng xấp, một đồng ngửa là thần đã về hay chứng tâm, nếu hai đồng sấp cả là thần không về. Ngược lại, hai đồng ngửa cả thì thần có về nhưng không chứng.

Việc hầu bóng, hầu giá diễn tả ông Hoàng bà Chúa, bằng một động tác nói lên rằng Ngài đã về và chứng tri ra sao, truyền phán những gì? Mỗi lần như vậy gọi là một giá “châu”, chuẩn bị cho một giá “châu” rất công phu, phải có người hầu giá, có cung văn và một số con nhang đệ tử giúp việc. Chủ buổi hầu bóng là thanh đồng ngồi ở trước công đồng Tứ phủ làm giá cho các thánh nhập hồn. Hai bên thanh đồng là hai người hầu dâng, người bên tả chuyên lo về trang phục, tay hữu chuyên lo việc đèn nhang. Người hầu giá tự do sắm trang phục “thần nào áo nấy” người hầu giá chủ yếu là nữ, nhưng khi đóng vai ông Hoàng hay vai Cậu, vai các quan thì phải hóa trang thành nam giới. Vai trò quan trọng trong buổi hầu bóng là cung văn. Mỗi giá châu có hai môn phối hợp: là ca nhạc và múa. Phần ca nhạc do một cung văn nhạc công đảm nhận, những lời ca tiếng hát trong châu văn mang giá trị văn học cao. Khi hát văn thường có nhạc phụ họa để kiêu thỉnh, nâng bóng và tiễn biệt các vị thánh. *Kiêu thỉnh* là dâng văn mời vị thánh nào đó trong 36 giá đồng giáng trần, còn *nâng bóng* là giúp vị thánh đó tỏa bóng, làm cho thánh giáng đồng được uy nghi đẹp đẽ, linh thiêng, *tiễn biệt* là rước thánh xa giá hồi cung. Sau những nghi thức thỉnh cầu cùng dâng lễ vật hương hoa, trà quả, oản phẩm, trầu cau, vàng, sớ, rượu thuốc, văn thờ, dâng trức khai môn điện thánh. Việc thỉnh cầu theo thứ tự trong thần điện: Tam tòa thánh Mẫu, Tứ phủ công đồng, Ngũ vị Tôn ông, Thập vị ông Hoàng, Thập nhị tiên cô, Thập nhị thánh Cậu. Chủ tọa thanh đồng ngồi bắt chân theo lối kết ấn “thiên định” và được phủ một tấm khăn màu đỏ che kín mặt, chờ đến khi nào thánh giáng trần nhập vào thanh đồng, lúc đó thanh đồng mới tung khăn xuất diện đứng dậy làm động tác múa hát. Động tác múa: múa đồng trong nghi lễ của đạo Mẫu chủ yếu múa theo hai vai thánh nam và thánh nữ. Vai thánh nam chủ yếu múa các giá hàng quan lớn như: múa binh khí, kiếm, song kiếm, kích, đại đao, cung, chùy. Riêng múa kiếm và cờ cho giá quan Hoàng Triều và Châu Mười chủ yếu múa song chèo, múa sư tử, múa lân, múa quyền, múa khăn, múa đi ngựa, múa bắn cung cho các giá Cậu. Múa vai thánh nữ có các điệu múa, : múa song dâng; cặp quạt, cặp bơi chèo, múa tay không, múa hái hoa, múa dệt gấm, mua

thêu hoa, múa khoác lẳng hoa, múa quẩy gánh hái chè, múa bắt ốc, quay tơ, dệt lụa, múa bắt rắn, múa chèo đò,... Với 36 giá đồng lưu diễn tại cửa điện thánh, với những trang phục, màu sắc, ánh sáng, đèn nến và hương khói thoảng bay cùng lời ca tiếng hát, điệu múa ... cứ tiếp diễn ngân dài mãi cho đến hết giá đồng? Nhận xét về phần múa này, Lâm Tô Lộc viết: “ Nhờ sự phong phú của giai điệu và tiết tấu âm nhạc châu văn, nhờ chất thơ của lời ca mà múa có điều kiện phát triển. Động tác múa lên đồng phần lớn lấy ở chất múa liên từ múa dân gian rồi thay đổi tính chất và tính cách của múa, nó gồm những động tác phản ánh lao động như chèo thuyền, những động tác múa kiếm, múa thanh long đao. Địa phương nào có truyền thống múa dân gian phong phú thì những bà đồng nơi đó thường có điều kiện tiếp thu múa dân gian” (4). Lâm Tô Lộc đưa ra 8 điệu múa lên đồng (5).

- Múa kiếm của bốn Quan lớn
- Múa nổi của các đồng Cô
- Múa chèo đò của các Cô Bơ Thoải
- Múa quạt
- Múa cung
- Múa thanh long đao của các quan Tuần Tranh
- Múa hèo của ông Hoàng
- Múa lân

Ngoài 8 điệu múa nói trên ta còn thấy các điệu múa khác có giá trị nghệ thuật cao.

- Múa chè của Cô Chín đôi chè
- Múa bắt ốc của Cô Mười (Đồng Mỏ - Bắc Thái).
- Múa quay tơ dệt lụa của Cô Sáu đôi Dâu
- Múa bắt rắn của Quế Nương và Hồng Nương

Xét về phương diện này, đạo Mẫu ít nhiều đã bảo tồn nền văn hóa dân gian mang đậm đà bản sắc dân tộc.

3. Mối quan hệ của đạo Mẫu với các đạo khác

Việc thờ đạo Mẫu ở nước ta có mối quan hệ mật thiết với các tôn giáo ngoại lai như đạo Phật, đạo Lão, đạo Nho. Các đạo này về cơ bản không mâu thuẫn với nhau, mà nhiều khi có tác động giao thoa tín ngưỡng tôn giáo.

Về đạo Phật: đạo Phật đã du nhập vào nước ta, đã đưa bà mẹ Man Nương - một bà mẹ nước lên làm Phật Mẫu hoà cùng tín ngưỡng bản địa thờ Mẫu nguyên thủy của cư dân nông nghiệp. Sự hòa đồng, chất lọc tinh tế này đã đưa đạo Phật “nhập tịch” vào trong “làng” tín ngưỡng tôn giáo của người Việt và tồn tại cho đến ngày nay. Sự tích Man Nương gắn liền với hệ thống Tứ pháp, gắn liền với

chốn tổ sơ khai, trung tâm Phật giáo chùa Dâu (Thuận Thành - Hà Bắc) bà chúa Ba (chùa Hương) hay các pho tượng trong chùa thường tạc: quan Âm chuẩn đề, Quan Âm thiên thủ thiên nhãn, Quan Âm bồ tát, Quan Âm thị kính, Quan Âm tổng tử..., đều mang hình nữ nhân và gọi chung với cái tên dân dã là Phật Bà. Qua chuyến đi thực tế tại chùa Tiêu Sơn (Hà Bắc) có bức đại tự treo ở phật điện đề chữ Hán “Quan Âm Thánh Mẫu” đã chứng tỏ sự khéo léo của bàn tay, tính tư duy tinh túy của người dân lao động đã biết khắc họa nên những hình tượng Phật Mẫu vừa mang tính cách chung của Phật giáo vừa mang tính cách riêng của văn hóa tôn giáo bản địa. Như vậy, có thể nói rằng: đạo Phật vào nước ta đã biết lấy văn hóa dân tộc hòa đồng với tín điều của mình, để ăn sâu vào trong tâm thức của người dân đất Việt, mà từ đó giữ vai trò phổ biến hơn các tôn giáo khác như đạo Nho, Thiên chúa giáo.

Đối với đạo Lão: với tư duy nông nghiệp của vùng cư dân Đông Nam Á, quan niệm trên là trời, dưới là đất, trời tròn đất vuông, có âm có dương, có cha có mẹ,... suy luận theo kiểu “dịch học” đạo Lão đã đưa tượng vua cha Ngọc Hoàng và tượng Nam Tào - Bắc Đẩu, Phạm Thiên - Đế Thích đã được “nhập môn” vào thần điện của Mẫu ở giai đoạn nửa thế kỷ XVIII-XIX như đã trình bày ở trên.

Nhìn chung, tín ngưỡng thờ Thiên thần, “thần tự nhiên” cơ sở của đạo Mẫu đều không tan rã, đó là nhờ tục thờ Mẹ đất có nguồn gốc từ thời Nguyên. Có thời tục thờ Mẹ đất phát triển thành tục thờ Thành Hoàng và rất được coi trọng, không chỉ trong các làng bình thường mà ngay cả ngôi chùa đầu hạng chùa Dâu, chùa Kiến Sơ. Đạo Mẫu còn tiếp nhận các giáo lý của các tôn giáo lớn, thông qua các vị thánh như: Thái Thượng Lão Quân, quan Vân Trường, các vị anh hùng dân tộc như Trần Hưng Đạo Đại Vương, Phạm Ngũ Lão, Hai Bà Trưng, Phù Đổng Thiên Vương, thần Tản Viên... luôn luôn xuất hiện trong các giá đồng của đạo Mẫu. Đạo Mẫu không cố chấp một con đường nào, miễn là có thể giải thoát được cho dân. Cùng với thời kỳ này, việc củng cố phát triển đạo Mẫu, khôi phục lại tục thờ Nữ thần dưới hình thức lễ hội ở khía cạnh này hay khía cạnh khác của nghi lễ thờ thần mặt trăng, mặt trời, cốt lõi nguyên thủy của Mẫu Liễu. Như vậy, mối quan hệ hai chiều của nghi lễ thờ Mẫu với các đạo khác đã tạo nên bản sắc riêng biệt văn hóa tâm linh tôn giáo của cư dân Lạc Việt, mang đậm đà bản sắc dân tộc, đây cũng là đặc trưng tôn giáo đồng thời cũng là nét văn hóa của nền văn minh lúa nước.

4. Đôi điều nhận xét

Việc phân định giữa mê tín dị đoan và tín ngưỡng thờ Mẫu ở các phủ, đền, điện trong các ngôi chùa của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ còn nhiều điều nan

giải. Nhiều thuyết đưa ra thế này hay thế khác, tất nhiên vấn đề này cũng có hai mặt tiêu cực và tích cực.

a. Mặt tích cực: Để hiểu nghi lễ của việc thờ Mẫu không bị sai lệch, ta thử cắt nghĩa hai từ “tín ngưỡng” và “mê tín” như thế nào? Theo Đào Văn Tập trong từ điển Việt Nam phổ thông quyển thượng viết: tín ngưỡng là lòng ngưỡng mộ, tin tưởng một tôn giáo hay một chủ nghĩa. Còn mê tín là tin và theo một cách mê muội. Vậy đối với nghi lễ thờ Mẫu đâu là tín ngưỡng đâu là mê tín? Nói đến xã hội Việt Nam là có thể nói đến người nông dân, họ sống với tự nhiên nhiều hơn sống với xã hội. Họ luôn luôn cầu những cái gì thường nhật gắn với họ là đất, là nước. Trong tâm thức người dân lao động suy nghĩ theo lối “hình như hạ”, trong đất và nước đều có thần linh và mang yếu tố âm và tục nữ thần rất được chú trọng. Bàn thờ điện tòa trên cùng là Tam tòa thánh Mẫu, rồi lần lượt đến các ban công đồng khác, điều đó chứng tỏ người Việt xưa và nay rất chú trọng đến tín ngưỡng thờ các vị thánh và các anh hùng văn hóa dân tộc. Nói đến tôn giáo là nói đến thần linh, nói đến nghi lễ và lễ hội. Nghi lễ, lễ hội là việc làm thể hiện tâm linh của người dân hướng về những cái được xem là thiêng liêng mà người trần mắt thịt thường không nhìn thấy được mà chỉ cảm thông qua các nghi lễ, lễ hội. Sự tồn tại trong tâm thức con người của di tích là tín ngưỡng, hay nói cách khác tín ngưỡng là cái hồn của di tích. Nếu di tích mà không có tín ngưỡng thì di tích mãi mãi thiếu sức sống chỉ đảm bảo chức năng về mặt vật thể. Chúng ta nói phải giữ gìn bản sắc dân tộc. Vậy đâu là tôn giáo Việt Nam? đó là tầng văn hóa sâu xa xưa nhất ở trong các ngôi đình làng, chùa, đền, phủ. Một di tích mà không có nghi lễ, lễ hội thì di tích đó không có giá trị về mặt tâm linh. Lễ hội tái tạo lại những cái đặc trưng linh thiêng mà lâu nay nó bị chìm trong thời gian. Phong tục, tập quán phản ánh tinh thần dân tộc của một nước, thể hiện rõ văn hóa gắn liền với phát triển xã hội. Tất cả những gì thuộc về quá khứ đã kết lắng thành giá trị đều cần thiết cho cuộc sống ngày hôm nay.

Về lên đồng trong đạo Mẫu, nếu ta gạt bỏ cái vỏ bên ngoài của tín ngưỡng này, tôi cho rằng: việc lên đồng ở nghi lễ đạo Mẫu là một nét văn hóa dân gian nhân bản, điêu luyện, tinh tế. Đây là một loại hình văn hóa nghệ thuật chiếm giữ vị trí nhất định trong đời sống sinh hoạt văn hóa cổ truyền của dân tộc, góp phần tạo nên bản sắc tâm hồn con người Việt Nam. 36 giá đồng là cả một kho tàng văn hóa khổng lồ, nó không chỉ mang lại cho ngành văn học, nghệ thuật, âm nhạc, múa, sân khấu, tuồng, chèo... mà còn mang lại giá trị tâm linh đặc sắc. Việc lên đồng không chỉ thấy ở Việt Nam, còn thấy ở người Dao (6). Lên đồng còn là chiếc cầu nối giữa cái trần tục với cái siêu hình thông qua nghệ thuật múa để giao tiếp với thần linh.

Mặt khác, lên đồng không chỉ có giá trị về mặt văn hóa nghệ thuật nói chung, mà còn có giá trị đối với ngành khoa học lịch sử. Một giá đồng là một hình thức mô tả lại tính cách của nhân vật hay một sự kiện lịch sử, phong tục, tập quán của dân tộc, nay ta lần theo trang sử châu văn để tìm về cội nguồn văn hóa được chuẩn xác hơn. Trong thời kỳ thực dân Pháp đô hộ nước ta, tín ngưỡng tôn giáo này đã ít nhiều chống lại chính sách “văn hóa my dân” của Pháp, từ đó các thanh đồng mượn lời ca, tiếng hát, điệu múa của châu văn để tuyên truyền chống chính sách “đồng hóa”, khích lệ phong trào đấu tranh cách mạng. Đây là một hình thức khéo léo của các nhà chí sĩ nhằm tuyên truyền vận động phong trào Duy Tân. Khắp nơi, phát triển lối diễn xướng châu Mầu, châu văn, giáng bút, múa bóng, chạy chữ, đối thơ mang đến sự thưởng thức mới cho người trải hội. Trong những năm gần đây, trào lưu tôn giáo văn hóa nghệ thuật, đã chuyển sang trào lưu du lịch tham quan.

Với những nhận xét trên về tín ngưỡng thờ Mầu và văn hóa lên đồng, nên chăng chúng ta nên có một cái nhìn khách quan về đạo thờ Mầu của chính chúng ta, đồng thời cũng loại bỏ yếu tố mê tín dị đoan, lợi dụng chính sách tự do tín ngưỡng của Nhà nước để thực hiện ý đồ riêng của mình.

b. Về mặt tiêu cực: Việc thờ Mầu hiện nay ở các ngôi đền, chùa, phủ, đặc biệt là ở các điện thờ tư nhân không phải là không ít tiêu cực trong hành trình tín ngưỡng tôn giáo. Tôi cho rằng: từ chân bàn thờ trở lên là một nét văn hóa, một mặt của lịch sử. Còn từ chân bàn thờ trở ra, là do cách ứng xử của cá nhân đó có văn hóa hay không. Việc các thánh đồng phán truyền cho các con nhang đệ tử đã làm cho tín ngưỡng thờ Mầu và lên đồng không còn nguyên bản. Việc đốt vàng mã, quần áo, các hình nhân thế mạng, đội bát nhang, đảo bản mệnh, sóc thẻ, bói toán, viết số... Đây là mê tín dị đoan, chúng ta cần phải loại bỏ ngay. Nếu không sự mất đi của nền văn hóa truyền thống cũng bị đẩy nhanh, và điều đó làm mỏng đi đội ngũ của những người nối nghiệp tương lai để giữ gìn các truyền thống văn hóa. Công việc này đòi hỏi cán bộ ngành văn hóa cần sớm được giải mã.

Tài liệu tham khảo

- (1) *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* - Hội Phật học Việt Nam, tr 37 (bản đánh máy)
- (2) Pháp Điện, Pháp Lô, Pháp Văn, Pháp Vũ
- (3) Liễu Hạnh công chúa, thần Tản Viên, Thánh Gióng, Chử Đồng Tử (hay thần Độc Cước).
- (4) (5) *Lâm Tô Lộc, Nghệ thuật múa dân tộc Việt Nam* - Nxb Văn hoá, 1984, tr: 52, 53.
- (5) *Bách lên đồng của người Dao* (chữ Hán). HV, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.